

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 56/2024/HNGĐ-ST

Ngày 19-6-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp

về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Duy Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Hoàng Đình Văn;

2- Ông Trần Văn Dũng.

Thư ký phiên toà: Bà Lương Thuỳ Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2024/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXX-ST ngày 06 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H** 41 tuổi

Địa chỉ: Thôn Tr- xã Tr L- huyện L- tỉnh Y, có mặt.

Bị đơn: Anh **Nông Đình Tr** 45 tuổi

Địa chỉ: Thôn Tr- xã Tr L- huyện L- tỉnh Y, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 12-3-2024 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Nông Đình Tr kết hôn tháng 01 năm 2001 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ- huyện L- tỉnh Y. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc, từ năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Tr thỉnh thoảng đi uống rượu về không làm chủ được bản thân, trong cơn say hay đánh đập chị, có tới bảy lần chị được người nhà đưa đi cấp cứu tại các cơ sở y tế. Mặc dù gia đình đã khuyên nhủ, chị đã nhiều lần tha thứ nhưng anh Tr vẫn không thay đổi. Nay xác định không thể tiếp tục chung sống, chị đề nghị giải quyết cho ly hôn. Chị và anh Tr có hai con chung là Nông Thanh H1 sinh ngày 10-02-2001 và Nông Trần BN sinh ngày 12-10-2012; cháu H1 đã trưởng thành. Ly hôn chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nông Trần BN, yêu cầu

anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Trong các lời khai và tại phiên hoà giải bị đơn là anh Nông Đình Tr trình bày cơ bản như lời khai của chị H, tuy nhiên theo anh thời điểm xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là cuối năm 2023, nguyên nhân là do quan điểm, tính cách không hợp nhau, cô H đi đâu, làm gì không nói cho anh biết, về nhà tình trạng không bình thường. Nay xác định vẫn còn tình cảm nên anh không đồng ý ly hôn. Về con chung, nếu ly hôn anh sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nông Trần BN, yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Hiện tại anh làm công việc tự do tại địa phương, thu nhập bình quân khoảng 6.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã cơ bản thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nông Đình Tr. Giao con chung là Nông Trần BN cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn; anh Tr phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa chị Trần Thị H và anh Nông Đình Tr là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; các đương sự có địa chỉ thường trú tại xã Tr L- huyện L- tỉnh Y nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nông Đình Tr kết hôn năm 2001, việc kết hôn này tuân thủ đúng những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại điều 19 luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Kết quả xác minh tại địa phương phù hợp với lời khai của các đương sự cho thấy do nhiều nguyên nhân nên trong

thời gian qua vợ chồng chị H- anh Tr không hạnh phúc, trong đó nguyên nhân chính là do quan điểm, tính cách, lối sống không hợp nhau dẫn đến nhiều lần xảy ra cãi vã, thậm chí đánh nhau. Bản thân anh Tr khẳng định vẫn còn tình cảm, mong muốn đoàn tụ nhưng không có biện pháp nào để khắc phục tình trạng hôn nhân; chị Trần Thị H cho rằng vấn đề bạo lực gia đình xảy ra từ lâu nhưng cũng không đề nghị chính quyền địa phương có biện pháp nhắc nhở, giáo dục, quá trình giải quyết vụ án chị khẳng định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống và kiên quyết đề nghị giải quyết cho ly hôn. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị H và anh Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị H có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Nông Đình Tr có hai cháu là Nông Thanh H1 sinh ngày 10-02-2001 và Nông Trần BN sinh ngày 12-10-2012; cháu H1 đã trưởng thành. Quá trình giải quyết vụ án cả chị H và anh Tr đều đề nghị được nuôi cháu Nam và yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa anh Tr giữ quan điểm đề nghị được nuôi cháu Nam, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì “*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Phải khẳng định nguyện vọng nuôi con của các đương sự là hoàn toàn chính đáng. Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy cả chị H và anh Tr đều có điều kiện, khả năng nuôi con. Tuy nhiên hiện tại chị H có việc làm và thu nhập ổn định hơn, mặt khác trong biên bản lấy lời khai cháu N thể hiện nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Do đó cần giao cháu Nông Trần BN cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”, như vậy yêu cầu của chị H về vấn đề này là chính đáng. Theo lời khai của bị đơn và kết quả xác minh tại địa phương thì hiện tại anh Tr đang làm công việc tự do tại địa phương, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng. Mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng theo yêu cầu của chị H là phù hợp cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn; anh Nông Đình Tr phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nông Đình Tr.

2- Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; giao cháu Nông Trần BN sinh ngày 12-10-2012 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nông Đình Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) kể từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi cháu Nam đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3- Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, xác nhận chị H đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2023/0001656 ngày 12-3-2024.

- Anh Nông Đình Tr phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4- Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5- Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện;
- UBND xã Động Quan;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô